TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm: 1988.

Cùng trú tại: Tổ 5, ấp Sóc 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Đình T sống chung với, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T. Ngay từ khi về chung sống với nhau, anh T thường xuyên không quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng thường xuyên không nói chuyện với nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị Th đã nhiều lần khuyên bảo, cho anh T cơ hội nhưng anh T không sửa đổi. Mẫu thuẫn

diễn ra một thời gian dài, đến thời điểm hiện tại, chị Th không còn chịu đựng được nữa, anh T không thay đổi nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Th và anh T có 02 con chung là Vũ Uy V, sinh năm 2014; Vũ Đình Khiết A, sinh năm 2016;. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị Th đề nghị hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2019, anh Vũ Đình T trình bày:

Hai vợ chồng quen biết, tìm hiểu từ năm 2010, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H nhưng đến năm 2014 mới tổ chức đám cưới. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến nay, nhưng thời gian gần đây do công việc nên anh T có lơ là chăm sóc vợ con nên chị Th mới yêu cầu ly hôn. Anh T cũng muốn chị Th cho cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng lo cho con cái nhưng nếu chị Th nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai người con chung là Vũ Uy V, sinh năm 2014; Vũ Đình Khiết A, sinh năm 2016. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị Th nuôi hai con chung và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/con.

Tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh Vũ Đình T, giao cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi hai con chung và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Đình T, cư trú tại xã T, huyện H. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Anh T và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Quá trình chung sống, do anh T không quan tâm đến vợ con nên thường phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn kéo dài, hiện nay, chị Th không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn. Tuy anh T muốn chị Th cho cơ hội, tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng lại không có thiện chí lên Tòa giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Chị Th yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là Vũ Uy V, sinh năm 2014; Vũ Đình Khiết A, sinh năm 2016. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/con. Xét thấy anh T cũng đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, và mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng và anh T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/con.

Về tài sản chung: anh T và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: anh T và chị Th khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Đình T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao các cháu Vũ Uy V, sinh năm 2014; Vũ Đình Khiết A, sinh năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 8/2019. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005289 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Anh Vũ Đình T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày uyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải